BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH SÀI GÒN - ĐÔNG HÀ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH SÀI GÒN - ĐÔNG HÀ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đông Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đông Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200263192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 12 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 01 Bùi Thị Xuân, phường 2, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Tô Tấn Dũng	Chủ tịch
Ông: Văn Đức Dũng	Ủy viên
Ông: Nguyễn Quốc Anh	Ủy viên
Ông: Phạm Công Vinh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Phạm Công Vinh	Tổng Giám đốc	
Ông: Mai Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2019

Thành viên Ban Kiểm soát là:

Ông: Nguyễn Quốc Tuệ

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 3200263192 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH SÀI GÒN ĐÔNG HÀ
T.P ĐÔNG HÀ - T. QUẢNG TRỊ

Phạm Công Vinh

Quảng Trị, ngày 18 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASCO
A : Tòa nhà ASCO, Số 2, ngõ 308 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội
T : 0243 793 0960 - F: 0243 793 1349 - E: asco@asco.vn - W: www.asco.vn

Số: 28/2020/ASCO/BCTC-NV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đông Hà

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đông Hà được lập ngày 28 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Từ năm 2012, Khách sạn Sài Gòn – Đông Hà đã hoàn thành đưa vào sử dụng, Công ty đã ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định từ năm 2016 với giá tạm tính là 168.159.912.171 đồng. So với tổng giá trị trên Báo cáo kiểm toán về quyết toán vốn dự án hoàn thành, một phần giá trị xây dựng cơ bản dở dang đã hoàn thành nhưng chưa ghi nhận là tài sản cố định, chưa xuất hóa đơn với giá trị 14.883.792.874 đồng. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các số liệu trong báo cáo tài chính về khoản mục ứng trước cho nhà thầu, tài sản cố định, khấu hao tài sản cố định, giá vốn, lợi nhuận kế toán trước thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại từ năm 2016 đến thời điểm hiện tại hay không.

Toàn bộ chi phí khấu hao 6.167.268.335 đồng đang được trình bày trên khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" thay vì phân bổ một phần vào khoản mục "Giá vốn hàng bán" làm cho khoản mục "Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ" tăng lên một khoản tương ứng.

Scanned with CamScanner

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đông Hà tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán ASCO

M.S.D.N: 0102374170 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN ASCO
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Ngọc Tuyến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1629-2018-149-1
Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Lê Văn Tùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1479-2020-149-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**24,644,007,107**	**24,822,690,202**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**03**	**113,319,318**	**301,890,826**
1.	Tiền	111		113,319,318	301,890,826
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**21,793,804,038**	**21,789,987,556**
1.	Phải thu khách hàng	131	04	2,280,311,922	2,221,496,501
2.	Trả trước cho người bán	132	05	19,510,432,116	19,418,332,116
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136		3,060,000	150,158,939
III.	**Hàng tồn kho**	**140**	06	**529,267,165**	**527,154,603**
1.	Hàng tồn kho	141		529,267,165	527,154,603
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**2,207,616,586**	**2,203,657,217**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,186,389,602	2,182,430,233
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		21,226,984	21,226,984
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**158,707,993,807**	**163,922,594,605**
I.	**Tài sản cố định**	**220**		**129,327,458,098**	**135,494,726,433**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	07	129,327,458,098	135,494,726,433
	Nguyên giá	*222*		*168,159,912,425*	*168,159,912,425*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(38,832,454,327)*	*(32,665,185,992)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	08	-	-
	Nguyên giá	*228*		*124,122,375*	*124,122,375*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(124,122,375)*	*(124,122,375)*
II.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**16,404,416,339**	**16,431,425,273**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	16,404,416,339	16,431,425,273
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**12,976,119,370**	**11,996,442,899**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	09	12,976,119,370	11,996,442,899
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**183,352,000,914**	**188,745,284,807**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**58,279,927,799**	**58,265,776,580**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**16,471,881,140**	**15,257,729,921**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	3,352,773,707	5,730,388,719
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	82,423,850	76,075,000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1,398,212,924	1,255,839,994
4.	Phải trả người lao động	314		693,147,956	1,041,242,179
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	170,042,715	392,674,364
6.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	1,046,185,356	1,824,608,835
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16.a	9,724,094,632	4,931,900,830
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5,000,000	5,000,000
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**41,808,046,659**	**43,008,046,659**
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16.b	41,808,046,659	43,008,046,659
D -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**125,072,073,115**	**130,479,508,227**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**17**	**125,072,073,115**	**130,479,508,227**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		185,507,200,000	185,507,200,000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*185,507,200,000*	*185,507,200,000*
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		50,642,116	50,642,116
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(60,485,769,001)	(55,078,333,889)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	*421a*		*(55,078,333,889)*	*(50,299,444,132)*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*(5,407,435,112)*	*(4,778,889,757)*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**183,352,000,914**	**188,745,284,807**

Quảng Trị, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Võ Thị Như Pin	Trần Thanh Vũ	Phạm Công Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**18**	**27,739,686,972**	**28,909,176,148**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ**	**10**		**27,739,686,972**	**28,909,176,148**
4.	**Giá vốn hàng bán**	**11**	**19**	**15,709,272,514**	**16,789,947,272**
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**12,030,414,458**	**12,119,228,876**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	213,333	264,455
7.	Chi phí tài chính	22	21	3,958,265,892	3,667,769,723
	Trong đó: chi phí lãi vay			*3,958,265,892*	*3,667,769,723*
8.	Chi phí bán hàng	25	22	645,930,381	778,218,059
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	12,629,016,947	12,492,963,325
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt HĐ kinh doanh**	**30**		**(5,202,585,429)**	**(4,819,457,776)**
11.	Thu nhập khác	31	24	253,637,901	124,179,707
12.	Chi phí khác	32	25	458,487,584	83,611,688
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**(204,849,683)**	**40,568,019**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**	**26**	**(5,407,435,112)**	**(4,778,889,757)**
15.	Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**(5,407,435,112)**	**(4,778,889,757)**

Quảng Trị, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Võ Thị Như Pin	Trần Thanh Vũ	Phạm Công Vinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2019

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
				VND	VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hđ kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***(5,407,435,112)***	***(4,778,889,757)***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		6,167,268,335	7,324,465,709
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(204,636,350)	(2,025,541)
-	Chi phí lãi vay	06		3,958,265,892	3,667,769,723
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***4,513,462,765***	***6,211,320,134***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3,816,482	403,553,478
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2,112,562	37,632,757
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3,013,665,561)	1,659,693,491
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(983,635,840)	(5,939,271)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(3,927,458,654)	(3,722,290,410)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		557,866,938	825,500,268
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(2,847,501,308)***	***5,409,470,447***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,115,733,876)	(6,286,238,333)
2.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		182,469,874	69,994,703
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(933,264,002)***	***(6,216,243,630)***
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		18,055,561,580	38,411,779,067
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14,463,367,778)	(37,513,248,369)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hđ tài chính	***40***		***3,592,193,802***	***898,530,698***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(188,571,508)**	**91,757,515**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**301,890,826**	**210,133,311**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**		**113,319,318**	**301,890,826**

Quảng Trị, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Võ Thị Như Pin	Trần Thanh Vũ	Phạm Công Vinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đông Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200263192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 12 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Bùi Thị Xuân, phường 2, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty là: 185.507.200.000 đồng; tương đương 18.550.720 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh
Kinh doanh dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động chính của Công ty là:
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (tiệc, hội họp, đám cưới,...).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc, trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.7. Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 38 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	03 - 08 năm

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị, chi phí khác... Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan… được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí đi vay vốn;

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	9,063,494	12,555,620
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	104,255,824	289,335,206
Cộng	**113,319,317**	**301,890,826**

4. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Lê Thu Thủy	1.110.503.100	-	1.198.004.300	-
- Hội đồng Nhân dân Quảng Trị 2	553.500.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	616.308.822	-	1.023.492.201	-
	2.280.311.922	**-**	**2.221.496.501**	**-**
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	**8.370.000**	**-**	**5.380.000**	**-**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 27)

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty Cổ phần Thiết bị An ninh - PCCC SQ	4.320.143.289	4.320.143.289
Công ty Cổ phần Đầu tư Halo An Phong	2.755.152.500	2.755.152.500
Công ty Cp TM & Đầu tư Công nghệ Bảo Trân	2.692.927.424	2.692.927.424
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10	2.681.701.576	2.681.701.576
Các đối tượng khác	7.060.507.327	6.968.407.327
Cộng	**19.510.432.116**	**19.418.332.116**

6. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	259.818.513	-	234.849.415	-
Công cụ, dụng cụ	360.000	-		-
Hàng hóa	241.965.498	-	292.305.188	-
Cộng	**502.144.011**	-	**527.154.603**	-

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	151.797.770.566	11.829.715.239	3.229.196.399	386.751.870	916.478.351	168.159.912.425
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	**151.797.770.566**	**11.829.715.239**	**3.229.196.399**	**386.751.870**	**916.478.351**	**168.159.912.425**
Trong đó: Giá trị tài sản đã khấu hao hết mà vẫn còn sử dụng là 12.530.293.878 VND						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	24.886.842.464	3.850.643.508	3172.637.290	386.751.870	368.310.859	32.665.185.992
Khấu hao trong năm	4.508.846.387	1.511.787.222	28.240.869		118.393.857	6.167.268.335
Số cuối năm	**29.395.688.851**	**5.362.430.731**	**3.200.878.159**	**386.751.870**	**486.704.716**	**38.832.454.327**

Toàn bộ giá trị tài sản của Công ty được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn, dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Trị.

Giá trị tài sản cố định là công trình "Khách sạn Sài Gòn – Đông Hà" 168.159.912.425 VND đang được ghi nhận dựa trên hợp đồng, hồ sơ nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và các chứng từ thực tế phát sinh. Đây là toàn bộ chi phí còn lại đã tập hợp dựa trên khoản mục "Xây dựng cơ bản dở dang", tuy nhiên, một số gói thầu Công ty và một số nhà thầu chưa thống nhất được giá trị quyết toán vì đang trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng Toà án như một số nhà thầu: Công ty Cổ phần Thiết bị An ninh - PCCC SQ, Công ty Cổ phần Đầu tư Halo An Phong, Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10, Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Công nghệ Bảo Trân. Đến ngày lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu và chưa ghi nhận bất kỳ khoản thay đổi về giá trị tài sản thực tế, công nợ phải thu, phải trả nào liên quan đến vấn đề này.

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm QL	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	124.122.375	124.122.375
Số cuối năm	**124.122.375**	**124.122.375**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	124.122.375	124.122.375
Số cuối năm	**124.122.375**	**124.122.375**
Giá trị còn lại		

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 124.122.375 đồng

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng còn phải phân bổ.

9b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng còn phải phân bổ.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2019	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	31/12/2019
Chi phí XDCB dỡ dang	16.431.425.273	488.817.006	492.321.473	16.427.920.806
Cộng	**16.431.425.273**	**488.817.006**	**492.321.473**	**16.427.920.806**

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Phải trả các bên liên quan	***-***	***268.749.000***
Chi nhánh Công Ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist tại Huế	-	268.749.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	***3.352.773.707***	***5.461.639.719***
Hồ Thị Thảo	675.230.500	599.535.500
Công ty TNHH Đạt Minh	484.444.494	484.444.494
Nguyễn Thị Tý	486.051.750	479.483.900
Trần Thị Hường	477.036.350	
Công ty TNHH Thương mại T.C	-	423.904.000
Công ty Cổ phần Song Việt	-	357.606.466
Công ty TNHH MTV Đông Phương	112.879.613	212.879.613
Các nhà cung cấp khác	1.117.131.000	2.903.785.746
Cộng	**3.352.773.707**	**5.730.388.719**

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị 1	-	53.573.000
Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị	5.320.000	-
Viễn Thông Quảng Trị	11.400.000	
Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh	8.350.000	-
Các khách hàng khác	57.353.850	22.502.000
Cộng	**82.423.850**	**76.075.000**

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	944.739.505	1.971.731.708	1.876.657.008	-	1.039.814.205
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.226.984	-	-	-	21.226.984	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	164.216.028	33.900.451	35.779.221	-	162.337.258
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	146.884.461	614.577.000	565.400.000	-	196.061.461
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	21.226.984	**1.255.839.994**	**2.623.209.159**	**2.480.836.229**	**21.226.984**	**1.398.212.924**

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Trích trước chi phí lãi vay	170.042.715	392.674.364
Cộng	**170.042.715**	**392.674.364**

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
Kinh phí công đoàn	22.296.822	10.164.210
Bảo hiểm xã hội	499.463.287	356.930.881
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	339.524.445	1.397.762.990
Cộng	**861.284.554**	**1.764.858.081**

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

16a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	***9.724.094.632***	***9.724.094.632***	***4.931.900.830***	***4.931.900.830***
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Trị [(i)]	9.724.094.632	9.724.094.632	4.931.900.830	4.931.900.830
Vay dài hạn đến hạn trả	***2.210.000.000***	***2.210.000.000***	**-**	**-**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Trị	2.210.000.000	2.210.000.000	-	-
Cộng	**11.934.094.632**	**11.934.094.632**	**4.931.900.830**	**4.931.900.830**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 3005/2019-HĐCVHM/NHCT450-SAIGONDONGHA ngày 30/5/2019 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng/;
+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
+ Thời hạn vay: 6 tháng;

+ Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh;

+ Phương thức bảo đảm: Hợp đồng thế chấp số 0304/2015/HĐTC ngày 03/04/2015, thế chấp bằng toàn bộ tài sản là khách sạn Sài Gòn - Đông Hà và các công trình hình thành trên đất tọa lạc tại số 01 Bùi Thị Xuân, phường 2, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019 là 9.724.094.632 VND.

	01/01/2019	Số tiền vay PS trong năm	Số tiền vay thanh toán trong năm	31/12/2019
Vay ngắn hạn	4.931.900.830	18.055.561.580	*(13.263.367.778)*	9.724.094.632
Vay dài hạn đến hạn trả		2.210.000.000		2.210.000.000
Cộng	**4.931.900.830**	**20.265.561.580**	**(11.614.070.303)**	**11.934.094.632**

16b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Trị [(i)]	39.598.046.659	39.598.046.659	43.008.046.659	43.008.046.659
Cộng	**39.598.046.659**	**39.598.046.659**	**43.008.046.659**	**43.008.046.659**

(

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương bao gồm 2 hợp đồng tín dụng:

(a) Hợp đồng tín dụng số 2503/2015-HĐTDDA/NHCT450 - SAI GON - DONG HA ngày 27/03/2015 với các điều khoản chi tiết sau: + Hạn mức tín dụng: 58.300.000.000 đồng;

+ Mục đích vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Sài Gòn - Đông Hà;

+ Thời hạn cho vay: đến năm 2029;

+ Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;

+ Hình thức đảm bảo tiền vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 01 Bùi Thị Xuân, phường 2, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (Khách sạn Sài Gòn - Đông Hà) và các TSĐB khác đáp ứng quy định của Ngân hàng Công thương Việt Nam;

+ Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2019 là 25.770.000.000 đồng; trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 2.010.000.000 đồng.

(b) Hợp đồng tín dụng số 2504/2015-HĐTDDDA/NHCT450 - SAI GON - DONG HA ngày 23/04/2015 bao gồm các điều khoản chi tiết sau: + Hạn mức tín dụng: 16.700.000.000 đồng;

+ Mục đích vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Sài Gòn - Đông Hà;

+ Thời hạn cho vay: đến năm 2030;

+ Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;

+ Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản đảm bảo bao gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 01 Bùi Thị Xuân, phường 2, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị giá trị tài sản là: 142.577.986.048 VND;

+ Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2019 là 16.038.046.659 đồng; trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 200.000.000 đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	01/01/2019	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay thanh toán trong năm	31/12/2019
Vay dài hạn	43.008.046.659	-	-	39.598.046.659
Trong đó				
Giảm do phân loại			2.210.000.000	
TT Nợ đến hạn			1.200.000.000	
Cộng	**43.008.046.659**	**-**	**3.410.000.000**	**39.598.046.659**

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	185.507.200.000	50.642.116	(50.299.444.132)	135.258.397.984
Lỗ trong năm	-	-	(4.778.889.757)	(4.778.889.757)
Số dư cuối năm trước	**185.507.200.000**	**50.642.116**	**(55.078.333.889)**	**130.479.508.227**
Số dư đầu năm nay	185.507.200.000	50.642.116	(55.078.333.889)	130.479.508.227
Lỗ trong năm	-	-	(5.407.435.112)	(5.407.435.112)
Số dư cuối năm này	**185.507.200.000**	**50.642.116**	**(60.485.769.001)**	**125.072.073.115**

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV	107.322.220.000	107.322.220.000
Công ty TNHH XNK Liên Thái Bình Dương	20.539.340.000	20.539.340.000
Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng Công ty CN Sài Gòn - Công ty TNHH MTV	14.400.000.000	14.400.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	11.645.640.000	11.645.640.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Sabeco	5.600.000.000	5.600.000.000
Cộng	**185.507.200.000**	**185.507.200.000**

17c. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.550.720	18.550.720
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	18.550.720	18.550.720
- *Cổ phiếu phổ thông*	*18.550.720*	*18.550.720*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.550.720	18.550.720
- *Cổ phiếu phổ thông*	*18.550.720*	*18.550.720*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ ăn uống	16.074.471.922	17.973.010.179
Doanh thu phòng ngủ	7.032.603.267	5.893.984.738
Doanh thu lữ hành	1.462.429.814	2.044.875.489
Doanh thu dịch vụ khác	1.946.882.452	1.743.126.614
Doanh thu phí phục vụ	1.223.299.517	1.254.179.128
Cộng	**27.739.686.972**	**28.909.176.148**

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ ăn uống	9,380,255,068	10.744.817.338
Giá vốn phòng ngủ	4.528.718.648	3.411.953.550
Giá vốn lữ hành	1.425.008.892	1.926.068.769
Giá vốn dịch vụ khác	475.289.906	707.107.615
Cộng	**15.709.272.514**	**16.789.947.272**

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	213.333	264.455
Cộng	**213.333**	**264.455**

21. Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3,958,265,892	3.667.655.945
Cộng	**3,958,265,892**	**3.667.655.945**

22. Chi phí bán hàng

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí chăm sóc khách hàng, hoa hồng môi giới	645.930.381	778.218.059
Cộng	**645.930.381**	**778.218.059**

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12,629,016,947	12,492,963,325
Cộng	**12,629,016,947**	**12,492,963,325**

24. Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
Thu nhập khác	253.637.901	124.179.707
Cộng	**253.637.901**	**124.179.707**

25. Chi phí khác

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí khác	458,487,584	83,611,688
Cộng	**458,487,584**	**83,611,688**

26. Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-5.407.435.112	- 4,778,889,757
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	-5.407.435.112	- 4,778,889,757
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.550.720	18.550.720
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(291)**	**(258)**

27. THÔNG TIN KHÁC

Trong năm Công ty có tranh chấp tại Tòa án với Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 và Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư Ha Lô - Công ty TNHH Xây dựng An Phong liên quan đến khoản tạm ứng và giá trị nghiệm thu một số hạng mục của Công trình xây dựng Khách sạn Sài Gòn - Đông Hà. Đến thời điểm kết thúc năm tài chính hiện hành đã có Bản án sơ thẩm và phúc thẩm của hai vụ án tranh chấp nói trên:

Về tranh chấp với Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư Ha Lô - Công ty TNHH Xây dựng An Phong liên quan đến tranh chấp hợp đồng xây dựng: Tại bản án phúc thẩm số 02/2019/KDTM-PT ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân t nh Quảng Trị, Hội đồng xét xử tuyên bố: Giữ nguyên kết quả bản án sơ thẩm, theo đó buộc Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư Ha Lô - Công ty TNHH Xây dựng An Phong trả lại số tiền vượt quá khối lượng thi công là 1.166.964.500 đồng, và số tiền lãi là 353.006.761 đồng, Tổng cộng là 1.519.971.261 đồng. Buộc bị đơn xuất Hóa đơn Giá trị gia tăng cho Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đông Hà đối với khối lượng được nghiệm thu là 1.588.188.000 đồng.

Về tranh chấp với Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 liên quan đến tranh chấp hợp đồng xây dựng: Tại bản án sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 14/8/2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, t nh Quảng Trị, Hội đồng xét xử tuyên bố: Chấp nhận một phân yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công

ty Cổ phần Bạch Đằng 10, buộc bị đơn vị Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đông Hà phải trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần Bạch Đằng 10 tổng số tiền 2.682.436.414 đồng, trong đó: Số tiền còn nợ của gói thầu số 04 là 2.057.872.202 đồng và tiền lãi 624.564.212 đồng. Đồng thời chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đông Hà, buộc nguyên đơn Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 phải trả cho bị đơn Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đông Hà tổng số tiền 12.567.221.997 đồng, trong đó: Nợ số tiền tạm ứng, thanh toán vượt khối lượng là 9.208.442.570 đồng và tiền lãi 3.358.779.427 đồng. Như vậy sau khi bù trừ, phía Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 phải trả lại cho Công ty Cổ phần du lịch Sài Gòn - Đông Hà số tiền 7.150.570.368 đồng tiền khối lượng tạm ứng vượt và 2.734.215.215 đồng tiền lãi, tổng cộng là 9.884.785.583 đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 Công ty mới chỉ ghi nhận phần tiền án phí tạm nộp được Chi cục thi hành án hoàn trả số tiền 23.504.467 VND từ kết quả của bản án phúc thẩm với Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư Ha Lô - Công ty TNHH Xây dựng An Phong.

28. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	**Mối quan hệ**
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	Cổ đông lớn
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành SaiGon Tourist tại Đà Nẵng	Công ty cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành SaiGonTourist	Công ty cùng Tổng Công ty
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành SaiGon Tourist tại Huế	Công ty cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành SaiGonTourist tại Hà Nội	Công ty cùng Tổng Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		**291.248.188**	**219.562.000**
Tổng Công ty DL Sài Gòn TNHH MTV	Công ty mẹ	6.818.182	3.430.000
Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	Cổ đông lớn	97.174.547	29.783.000
CN Công ty TNHH MTV DV LH SaiGon Tourist tại Đà Nẵng	Cùng hệ thống	186.573.641	115.225.000
Công ty TNHH MTV DV LH SàiGònTourist tại Hà Nội	Cùng hệ thống	681.818	71.124.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Phải thu khách hàng		**8.370.000**	**5.380.000**
Tổng Công ty DL Sài Gòn TNHH MTV	Công ty mẹ		3.430.000
Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	Cổ đông lớn	8.370.000	
CN Công ty TNHH MTV DV LH SàiGòn Tourist	Cùng hệ thống		1.950.000

29. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán ASCO kiểm toán.

Quảng Trị, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Võ Thị Như Pin	Trần Thanh Vũ	Phạm Công Vinh